

Số: 324/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 324/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa:

+ **Nguyên đơn:** Bà Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 201 Huỳnh Thúc Kháng, phường Phú Xuân, thành phố Huế.

+ **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 25 Vạn Xuân, phường Kim Long, thành phố Huế.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn Thành V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Bà Lê Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn Thành V quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Khả D, sinh ngày 05/7/2022.

Nay ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau:

Giao cháu Nguyễn Lê Khả D, sinh ngày 05/7/2022 cho ông Nguyễn Thành V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Lê Nguyễn Quỳnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết định T hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn Thành V công nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Bà Lê Nguyễn Quỳnh T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và ông Nguyễn Thành V phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng bà T, ông V tự nguyện thỏa thuận bà Lê Nguyễn Quỳnh T chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng: Bà Lê Nguyễn Quỳnh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng.

Khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Lê Nguyễn Quỳnh T đã nộp tại biên lai số 0000106 ngày 07/7/2026 của Phòng T hành án dân sự khu vực 2 - Huế, thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật T hành án dân sự năm 2014 thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật T hành án dân sự năm 2014; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP-Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- Phòng THADS KV2 - Huế;
- UBND phường P, TP-Huế;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê